

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ
sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 4525/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Báo cáo thẩm tra số 133/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Nghị quyết này phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được áp dụng đối với các ngành hàng, sản phẩm được UBND tỉnh xác định phê duyệt danh mục các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ.

- Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).

b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).

d) Doanh nghiệp.

đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nội dung, mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết:

Chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 200 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:

Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/01 dự án liên kết.

c) Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường:

- Xây dựng mô hình khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Điều 29, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông (sau đây viết tắt là Nghị định số 83/2018/NĐ-CP).

- Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

+ Chính sách bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Thực hiện theo quy định tại Điều 27, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

+ Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề: Mức hỗ trợ áp dụng theo các quy định hiện hành.

d) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm trong 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã.

đ) Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới (so với địa phương), áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Nguồn kinh phí hỗ trợ tại điểm c, khoản 3, Điều 1 của Nghị quyết này thực hiện theo quy định của các chương trình, dự án về khuyến nông, chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã và các chương trình, dự án hợp pháp khác.

b) Nguồn kinh phí hỗ trợ tại điểm a, b, d, đ, khoản 3, Điều 1 của Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và các chương trình, dự án hợp pháp khác.

Điều 2. Hình thức, nguyên tắc, điều kiện và hồ sơ, trình tự thủ tục hỗ trợ liên kết

Thực hiện theo quy định tại các Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban công tác Đại biểu - UBTW Quốc hội;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT. (TH.09) Tân Duy

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng